

KĨ NĂNG CẢM THỤ VĂN HỌC - CƠ SỞ HÌNH THÀNH NĂNG LỰC DẠY HỌC CỦA GIÁO VIÊN NGŨ VĂN

Nguyễn Thị Thu Hà - Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

Ngày nhận bài: 15/01/2017; ngày sửa chữa: 17/02/2017; ngày duyệt đăng: 20/02/2017.

Abstract: Ability of sense of literature is an important competence of literature teachers. This competence helps teachers recognize and enjoy aesthetic and humanistic values of the literary works. The paper focuses on analyzing basic skills of literature teachers such as reading comprehension skills, skills to detect and explain the aesthetic signals as well as skills of analyzing artistic images. These skills help teachers organize effectively learning activities of gaining knowledge for students, building artistic images and giving comments to awaken the student's feelings about life, human destiny through artistic images.

Keywords: Skill, sense of literature, reading comprehension, aesthetic signals, artistic image.

1. Mở đầu

Cảm thụ văn học là năng lực thiết yếu của giáo viên Ngữ văn. *Năng lực cảm thụ văn học* là khả năng nhận ra và thẩm thấu giá trị thẩm mỹ, giá trị nhân văn của tác phẩm. Để có thể giảng dạy tốt, giáo viên Ngữ văn trước hết phải có năng lực đọc hiểu ngôn từ, phát hiện và lí giải tín hiệu thẩm mỹ, phân tích hình tượng nghệ thuật trong văn bản tác phẩm cần dạy; phải thường xuyên rèn luyện, phát triển, nâng cao năng lực cảm thụ tác phẩm thành kĩ năng (KN) cảm thụ văn chương.

KN cảm thụ văn học tốt giúp người dạy khai thác và truyền tải được đầy đủ nội dung bài học, tổ chức hiệu quả cho học sinh chiếm lĩnh nội dung và nghệ thuật của văn bản, đánh thức cảm xúc của học sinh về cuộc sống, về số phận con người thông qua hình tượng nghệ thuật. Dưới đây xin phân tích một số KN cảm thụ văn học cụ thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kĩ năng đọc hiểu ngôn từ

Chất liệu của văn học là ngôn từ. Ở cấp độ ban đầu này, đọc hiểu ngôn từ được xem như là “nhận ra nghĩa của chữ”. Tuy nhiên, ở mức thấp nhất này cũng có những đòi hỏi nhất định, đó là phải hiểu đúng. Nếu không hiểu hoặc hiểu sai sẽ dẫn đến cảm thụ sai lệch nội dung của văn bản.

Trong văn bản văn học ẩn đằng sau ngôn từ là tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả trước những vấn đề của cuộc sống. Vì vậy, ngay ở bước đầu tiên, song song với việc nhận ra nghĩa của từ là sự rung động của người đọc qua các phương diện ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp.

2.2. Kĩ năng phát hiện “chỗ vấp” thẩm mỹ

Ở đây có thể hiểu “chỗ vấp” thẩm mỹ là những tín hiệu thẩm mỹ vi mô. Về khái niệm “tín hiệu thẩm mỹ”, GS. Bùi Minh Toán cho rằng tín hiệu thẩm mỹ “... là loại tín hiệu có chức năng thẩm mỹ: biểu hiện cái đẹp, truyền

đạt và bồi dưỡng cảm xúc về cái đẹp. Nó cũng cần có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt, nhưng cái được biểu đạt là ý nghĩa thẩm mỹ” [1; tr 139]. Còn thế nào là “tín hiệu thẩm mỹ vi mô”; tác giả cũng đưa ra quan niệm “là những tín hiệu được cấu tạo trên cơ sở một từ hay một ngữ. Thường gọi là nhãn tự”.

Trong quá trình đọc văn bản, không phải tất cả các từ, ngữ đều có hàm ý. Chỉ những từ, ngữ nào chứa đựng lượng thông tin lớn, là cánh cửa mời gọi người đọc mở ra để bước vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm được gọi là “chỗ vấp thẩm mỹ”. Những từ ngữ này khiến người đọc phải dừng lại, quan sát chúng, tự đặt ra những câu hỏi và tự lí giải. Sự khác biệt giữa từ ngữ thông thường và từ ngữ được coi là “chỗ vấp thẩm mỹ” là gì? Cần hiểu rằng ngôn ngữ mang bản chất kí hiệu. Bất kì một từ, ngữ nào cũng gồm hai mặt cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Nhưng ở tín hiệu thẩm mỹ vi mô thì cả hai mặt của từ ngữ thông thường trở thành cái biểu đạt mới cho cái được biểu đạt mang tính thẩm mỹ cao.

Ví dụ: *Gió theo lối gió, mây đường mây/Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

(*Đây thôn Vĩ Dạ* - Hàn Mặc Tử)

Từ “mây” trong ngôn ngữ thông thường thì cái biểu đạt là vô ngôn từ (“mây” - nói và viết) và cái được biểu đạt là đám hơi nước. Nhưng trong câu thơ trên, đặc điểm của đám hơi nước là nhẹ, trôi nổi, vô định đã trở thành cái biểu đạt để nói về sự phiêu đạt, lang thang không định hướng của kiếp người. Cố Giáo sư Đỗ Hữu Châu gọi đó là tính liên hội của ngôn ngữ. Trong tứ thơ trên không chỉ “mây” là chỗ vấp thẩm mỹ. Những từ “gió”, “lối gió”, “đường mây”, “dòng nước buồn thiu”, “hoa bắp lay” đều là những tín hiệu thẩm mỹ. Theo quy luật của tự nhiên thì “gió thổi mây bay”, mây và gió là bạn đồng hành. Nhưng ở trong cảm nhận của nhà thơ thì gió mây chia lìa đôi ngã, ám ảnh cảm giác cô đơn cô độc trong dòng đời.

Cảnh thiên nhiên trong câu thơ sau thấm đẫm tâm trạng con người. Dòng nước “buồn thiu” - buồn đến ngây lạng, buồn đến mức quên chảy, tĩnh lặng và đông đặc lại. Hoa bắp hai bên bờ vốn đã nhàn nhạt về màu sắc, đến chuyển động cũng là khẽ lay động như có như không. Bình thường những hình ảnh này luôn sinh động, gắn bó quấn quýt nhưng trong câu thơ hình ảnh nào cũng vẫn rất thực, rất đẹp nhưng rời rạc để nói đến sự cô đơn và nỗi buồn chan chứa trong tâm hồn thi sĩ.

Chỗ vấp thăm mĩ không chỉ nằm ở từ ngữ mà còn nằm ở cấu trúc của câu thơ. Người đọc phải tinh ý để phát hiện ra những điều khác thường của câu thơ, dòng thơ:

Mùa xuân là cả một mùa xanh/Giời ở trên cao, lá ở cành/Lúa ở đồng tôi và lúa ở/Đồng nàng và lúa ở đồng anh (Mùa xuân xanh - Nguyễn Bính)

Cách diễn đạt của câu thứ nhất như một khái niệm, một định nghĩa về mùa xuân của nhà thơ. “Mùa xanh” không chỉ nói sắc xanh của sự vật, hiện tượng mà còn nói đến sức sống thanh xuân của vạn vật và con người. Cả không gian vũ trụ thu vào khổ thơ: trên cao là trời xanh, không trung là lá xanh, mặt đất là lúa xanh. “Tôi”, “nàng” và “anh” đều rất trẻ, rất thanh tân. Hai câu thơ cuối có cấu trúc vắt dòng. Bản thân mỗi câu thơ chỉ là một ngữ, sự kết hợp hai câu thơ mới tạo thành một câu hoàn chỉnh về ngữ pháp. Nếu như “giời”, “nàng”, “lúa” là cách diễn đạt đượm chất “chân quê” của Nguyễn Bính thì nghệ thuật vắt dòng đã khẳng định yếu tố cách tân, hiện đại của Thơ Mới nói chung và thơ Nguyễn Bính nói riêng.

Trong văn xuôi cũng có những cách diễn đạt đặc biệt: “Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của cô; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn” (*Hai đứa trẻ* - Thạch Lam). Câu mở đầu chỉ là những từ, ngữ “Chiều, chiều rồi”. Thử diễn đạt bằng một câu khác “Chiều về rồi”. Câu thay thế so với câu văn của Thạch Lam không thay đổi về thông tin, sự kiện nhưng sắc thái biểu cảm mờ nhạt đi rất nhiều. “Chiều, chiều rồi” sự lặp lại của “chiều” như một tiếng reo thầm khi niềm mong đợi đã đến. Chiều rồi là bóng tối đã bắt đầu lan tỏa, thời khắc chuyển tàu đêm đi qua phố huyện đang đến gần. “Chiều, chiều rồi” sự lặp lại của “chiều” như một vòng tròn chán ngắt, buồn tẻ của thời gian ở phố huyện nghèo.

Phát hiện ra chỗ vấp thăm mĩ là phát hiện ra tính nghệ thuật của ngôn ngữ văn chương so với ngôn ngữ đời sống. Khi nào ngôn từ được sử dụng “không bình thường” về mặt ngữ âm, từ vựng, cú pháp thì đấy là chỗ

có vấn đề. Một câu thơ toàn vần bằng, một tứ thơ dồi dào vần trắc, sự lặp lại của từ ngữ, các biện pháp tu từ..., sự ngắt nhịp, cấu trúc câu đảo vị trí của chủ ngữ vị ngữ hoặc thiếu các thành phần câu... đấy chính là biển chỉ đường, là những con đường dẫn dắt người đọc đến với các tầng ý nghĩa của văn bản văn học.

2.3. Kỹ năng lí giải tín hiệu thăm mĩ

Tín hiệu thăm mĩ có một tính chất là tính có lí do, có thể lí giải được. “Tính có lí do, có thể lí giải được” là điểm khác với tín hiệu ngôn ngữ thông thường. Bản chất của tín hiệu ngôn ngữ thông thường là có tính vô đoán: tức là giữa hình thức và khái niệm không có mối tương quan bên trong nào, không thể giải thích được lí do của mối quan hệ giữa hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Nhưng ở tín hiệu thăm mĩ, mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt có thể cắt nghĩa được, giải thích được, bởi vì “*khi lựa chọn một cái biểu đạt nào đó để biểu đạt cho một ý nghĩa thăm mĩ nào đó, người nghệ sĩ đã căn cứ vào một mối quan hệ nhất định (ẩn dụ hay hoán dụ)*” [1; tr 166].

Ví dụ: *Thuyền về có nhớ bến chăng/Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

Về mặt tín hiệu ngôn ngữ, “thuyền” là cái biểu đạt chứa đựng cái được biểu đạt là phương tiện di chuyển trên sông nước. Điểm này tương đồng với khát vọng và khả năng đi xa của người con trai. Vì vậy, theo cơ chế ẩn dụ, tín hiệu thăm mĩ “thuyền” trong câu ca dao trên chỉ người con trai. Tương tự như vậy, “bến” là cái biểu đạt cho vị trí đứng yên bên dòng sông, nơi những con thuyền neo đậu sau mỗi chuyến đi xa trở về. Điểm này tương đồng cuộc sống “sau lũy tre làng” của người con gái. Và cũng bằng cơ chế ẩn dụ, “bến” chỉ người con gái.

Vì vậy, có nhiều tín hiệu thăm mĩ là sáng tạo riêng, mang tính cá nhân của tác giả, lần đầu tiên xuất hiện trong căn chương nghệ thuật và rất độc đáo, nhưng độc giả vẫn giải mã được trên cơ sở thuyết phục.

Đây là một số câu thơ trong bài *Sóng* của Xuân Quỳnh: *Con sóng dưới lòng sâu/ Con sóng trên mặt nước/ Ôi con sóng nhớ bờ/ Ngày đêm không ngủ được/ Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức.*

Ở khổ thơ này, có hai tín hiệu thăm mĩ là *sóng* và *bờ*. “Sóng” là cái biểu đạt chứa đựng cái được biểu đạt là sự chuyển động theo nhịp lập đi lập lại của mặt nước. Điểm này tương đồng với tình yêu thủy chung, với nỗi nhớ người yêu thường trực trong tâm hồn người con gái. Tình yêu và nỗi nhớ có lúc được biểu hiện bằng hành động, có lúc được giấu kín trong sâu thẳm tâm hồn. Tương tự như vậy, “bờ” là cái biểu đạt cho điểm gặp gỡ giữa đất và nước, cho sự bao quanh mặt nước, đặc điểm của bờ là vững chãi, bao bọc, che chở. Theo cơ chế ẩn dụ, “bờ” chỉ người con trai và “sóng” chỉ người con gái.

Hình thành ý nghĩa văn bản là sự tổng hợp của những lí giải: lí giải tín hiệu thẩm mĩ, lí giải hình tượng nghệ thuật, lí giải ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh văn hóa. Ý nghĩa của văn bản văn học chỉ được thuyết phục khi những lí giải trên phù hợp với những quy luật của đời sống khách quan và quy luật của tình cảm, cảm xúc con người.

2.4. Kỹ năng phân tích hình tượng nghệ thuật

Ở trên đã nói, bản thân ngôn từ trong văn chương đã có tính hình tượng: biểu cảm và gợi tưởng tượng, liên tưởng. Đó là sự có mặt của các từ láy tượng hình, từ láy tượng thanh, sự tổ chức lại ngôn từ, các biện pháp tu từ... Tổng hợp các tín hiệu thẩm mĩ trên tạo thành hình tượng nghệ thuật của văn bản văn học.

Xét theo quan điểm của ngôn ngữ học, hình tượng nghệ thuật cũng là một tín hiệu thẩm mĩ của văn bản văn học. Trong *Ngôn ngữ với văn chương*, Giáo sư Bùi Minh Toán gọi hình tượng là tín hiệu thẩm mĩ vĩ mô “*Tín hiệu thẩm mĩ được hình thành từ cả một tập hợp các từ ngữ trong một văn bản nghệ thuật. Ở tầm vĩ mô, tín hiệu thẩm mĩ bao quát cả một bộ phận lớn hay cả một tác phẩm văn chương*” [1; tr 142]. Hình tượng nghệ thuật là một hệ thống các tín hiệu thẩm mĩ vi mô liên kết, tích hợp tạo ra, bao trùm cả tác phẩm hay một bộ phận trong tác phẩm chứ không tồn tại ở một câu hay một đoạn. Hình tượng mùa thu trong bài thơ *Sang thu* (Hữu Thỉnh) phải được cảm nhận trong toàn thể bài thơ: *Bỗng nhận ra hương ổi/ Phả vào trong gió se/ Sương chùng chình qua ngõ/ Hình như thu đã về/ Sông được lúc dềnh dàng/ Chim bắt đầu vội vã/ Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu/ Vẫn còn bao nhiêu nắng/ Đã vơi dần cơn mưa/ Sấm đã bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi.*

Khổ đầu của bài thơ là những tín hiệu của mùa thu từ mơ hồ đến rõ rệt. Tín hiệu đầu tiên cảm nhận được là hương ổi chín. Ổi của vườn quê chín vàng vào mùa thu. Hương ổi chín nồng nàn “phả” vào không gian gặp gió, được gió thổi vào đường làng ngõ xóm, hòa vào mệnh mông vũ trụ trở nên thoáng nhẹ, mơ hồ. Gió cũng là tín hiệu của mùa thu với đặc trưng se lạnh. Chỉ là cái lạnh khẽ khàng đủ để nhắc cái oi nồng của mùa hạ đã qua và cái buốt giá của mùa đông đang ở phía trước. Mùa thu không chỉ được cảm nhận bằng khứu giác (hương ổi), bằng xúc giác (gió se) mà đến câu thứ ba mùa thu còn được cảm nhận bằng thị giác: hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ”. Những làn sương thu hiện hiện thành hình mỏng mảnh, trôi chậm chậm qua lối ngõ. Từ láy “chùng chình” gợi hình ảnh đầy ảo giác: làn sương hình như trôi đi, hình như đứng lại. Biện pháp nhân hóa để làn sương thu mang tâm trạng con người dửng dăng: nửa muốn quay về nứu kéo mùa hạ, nửa muốn bước vào mùa thu. Sương chớm thu nên thật mỏng mảnh, chỉ một tia nắng, chỉ một làn gió cũng có thể làm sương tan. Sự ản

hiện của sương làm thi nhân bồi rối đến nghi ngờ “*Hình như thu đã về*”.

Khổ thơ thứ hai tô đậm không gian trời mây sông nước lúc thu sang. Hình ảnh sông mùa thu sau những ngày thác lũ dòng chảy trở nên rộng hơn, mệnh mang hơn khi nước trên nguồn tràn về. Khoảng cách xa xôi của đôi bờ làm dòng chảy dường như chậm lại. Dưới ngòi bút nhân hóa tài hoa của nhà thơ, dòng sông mang sinh mệnh cũng “dềnh dàng” để kéo dài khoảnh khắc chuyển tiếp từ hạ sang thu. Ngược nhìn lên bầu trời cao rộng nổi bật hình ảnh đàn chim di cư bay về phương Nam tránh rét. Nhịp cánh vỗ “vội vã”, gấp gáp điểm nhịp thời gian đang trôi đưa mùa hạ thành kí ức. Vũ trụ đang chuyển mình, trong khoảnh khắc giao mùa này ranh giới thu - hạ cũng đang dần rõ rệt nên nghệ thuật vắt dòng và hình ảnh đám mây trong mắt thi nhân như dải lụa nối hai bờ thu - hạ: “*Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu*”.

Khổ thơ cuối cùng mở đầu với lớp từ đồng đếm sắc độ của thiên nhiên trong thời điểm giao mùa “*Vẫn còn bao nhiêu nắng/ Đã vơi dần cơn mưa*”. Cảnh vật mùa thu đã đi vào chiều sâu của tri giác, không còn ngỡ ngàng như khổ thứ nhất, mở rộng các chiều quan sát như khổ thứ hai. Từ hàng cây mùa thu liên tưởng đến con người trong mùa thu của cuộc đời. Hàng cây trưởng thành vì đi qua mưa nắng, con người trưởng thành nhờ đi qua tháng năm, trải nghiệm qua gian khổ.

Trong bài thơ hình tượng mùa thu bao trùm cả ba khổ thơ. Mùa thu nhưng chỉ là “sang thu” nên cảnh vật đẹp hư ảo. Theo Giáo sư Nguyễn Thanh Hùng: “*Tầng cấu trúc hình tượng nghệ thuật thường được tổ chức thành mối quan hệ vô cùng phức tạp. Chúng thường không mạch lạc tuyến tính, không thể đối chiếu với logic hiện thực đời sống và không hợp với kiểu suy nghĩ đời thường mà tự nó là sự tổng hợp, khái quát và huyền ảo hóa hiện thực bằng hư cấu qua tư duy hình tượng*” [2; tr 57].

Trong bài thơ *Thề non nước* của Tản Đà, ở tầng hàm ý ta thấy hình tượng “non” biểu tượng cho người con gái và hình tượng “nước” biểu tượng cho người con trai. “Non” là người ở lại, là người chờ đợi, ngóng trông mòn mỏi. “Non” mang đặc điểm yếu mềm “suối khô dòng lệ”, dáng vóc của người con gái “xương mai”, “tóc mây” và vẻ đẹp đầy nữ tính “phơi vẻ ngọc nét vàng”. “Nước” là người con trai với chí hồ hải tang bồng “nước đi đi mãi”, với ngôn ngữ quyết đoán ngang tàng “*Non cao đã biết hay chưa?/ Nước đi ra biển lại mưa về nguồn/ Nước non hội ngộ còn luôn/ Bảo cho non chớ có buồn làm chi*”.

(Xem tiếp trang 54)

Chất lượng tiêu bản	Chất lượng tiêu bản không đồng đều. Tế bào bị dễ bị biến dạng khi đun quá nóng, khó quan sát số lượng và hình thái NST	Chất lượng tiêu bản đồng đều. Bộ NST dần đều trong tế bào, có thể quan sát hình thái, số lượng NST ở dạng 2n hoặc 4n
Kinh phí thực hiện	Lớn	Nhỏ

3. Kết luận

Đề tài đã nghiên cứu các tình huống thực tiễn xuất hiện trong quá trình thực hiện tiêu bản hiển vi tạm thời quan sát đột biến NST ở thực vật, đề xuất các biện pháp xử lý tình huống hiệu quả, dựa trên cơ sở khoa học. Việc hệ thống lại các tình huống trong thí nghiệm sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho GV phổ thông khi dạy học thực hành thí nghiệm, góp phần tạo động lực cho việc triển khai có kết quả các bài thực hành trong chương trình Sinh học cấp Trung học phổ thông. Đề tài nghiên cứu thành công quy trình cải tiến với các tiêu chí: đơn giản, dễ thực hiện, tiết kiệm chi phí, thời gian thực hiện sẽ giúp GV, HS chủ động hơn trong các tiết thực hành thí nghiệm. Góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học bộ môn Sinh học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2008). *Sinh học 12 (nâng cao)*. NXB Giáo dục.
- [2] Darlington, C. D. - L. F. La Cour (1942). *The Handling of chromosomes*. Allen and Unwin, London.
- [3] Lê Minh Đức - Đặng Thị Ngọc Thanh (2013). *Thực hiện tiêu bản hiển vi bộ nhiễm sắc thể của Châu chấu (Oxya chinensis) nhằm nâng cao chất lượng dạy học các bài thực hành Di truyền học - chương trình Sinh học Phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 350, tr 48-50.
- [4] Phan Thị Hoan - Trần Thị Thanh Hương - Hoàng Thị Ngọc Lan - Trần Đức Phần - Nguyễn Văn Rục - Nguyễn Thị Trang - Lương Thị Lan Anh (2006). *Thực tập di truyền y học*. NXB Y học.
- [5] Huỳnh Thị Ngọc Nhân - Kiều Ngọc Ân - Mai Thị Tuyết (2004). *Thực tập di truyền cơ sở*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Ostergren, G. and W. K. Heneen (1962). *A squash technique for chromosome morphological studies*. Institute of Genetics, University of Lund, Sweden.
- [7] Đào Như Phú (1998). *Thí nghiệm thực hành Sinh học ở trường phổ thông trung học*. NXB Giáo dục.
- [8] Phạm Thị Minh Phương - Yosuke Tashiro (2010). *Study on diversity and chromosome numbers of edible allium crops in Viet Nam*. Ha Noi university of Agriculture.

KĨ NĂNG CẢM THỤ VĂN HỌC...

(Tiếp theo trang 21)

Việc xây dựng hình tượng của nhà thơ vô cùng độc đáo, trái với logic thông thường của đời sống và văn chương. Trong đời sống, non - núi thường mang đặc điểm bền vững, cao lớn, hùng vĩ, cứng cỏi; nước mang đặc điểm mềm mại, nhẹ nhàng. Đi vào văn học, non thường biểu tượng cho người đàn ông, nước biểu tượng cho người phụ nữ như trong câu ca dao: *Công cha như núi Thái Sơn/Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*.

Như thế, nếu chú ý nắm bắt, phân tích được bản chất của hình tượng nghệ thuật do nhà văn sáng tạo, sẽ có cơ hội để hiểu sâu ý đồ của tác giả, mở rộng so sánh để rút ra những nét sáng tạo riêng, tương đồng hay khác biệt với các tác giả, hình tượng nghệ thuật khác. Phân tích hình tượng nghệ thuật phải nhận thức được cái riêng độc đáo và cái chung mang tính cộng hưởng của hình tượng. Là sản phẩm của trí tưởng tượng nhà văn, hình tượng nghệ thuật thể hiện rõ nét cá tính tác giả (vùng thâm mĩ, ngôn từ, bút pháp...). Đồng thời hình tượng phải có tính điển hình, khái quát cho một bộ phận, một số đồng trong xã hội. Trong bài *Sang thu*, hình tượng mùa thu mang những nét đặc trưng của cảnh vật: hương ổi chín, heo may se lạnh, dòng sông mùa lũ, cánh chim di cư nhưng vẫn mang nét riêng của ngòi bút Hữu Thỉnh: những tín hiệu mơ hồ của cảnh vật giao mùa, sự liên tưởng đến mùa thu của cuộc đời...

3. Kết luận

Nếu có KN cảm thụ văn học tốt cộng với năng lực tích hợp - tích hợp văn học với ngôn ngữ, văn học với văn hóa, văn học với các ngành khoa học khác, văn học với cuộc đời..., chắc chắn giáo viên dạy văn qua môn học *Ngữ văn* sẽ "... giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực thâm mĩ, năng lực cảm thụ văn học và những phẩm chất tốt đẹp, những quan niệm sống và phép ứng xử nhân văn; giúp học sinh nhận biết được ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng và phương tiện tư duy của con người, là công cụ để học tốt tất cả các môn học; văn học là loại hình nghệ thuật ngôn từ phản ánh đời sống, xã hội và con người; từ đó có ý thức trau dồi ngôn ngữ, nuôi dưỡng hứng thú đọc sách và khám phá tác phẩm văn học" [3].

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Minh Toán (2014). *Ngôn ngữ với văn chương*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Nguyễn Thanh Hùng (2011). *Kĩ năng đọc hiểu văn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Chương trình giáo dục phổ thông (chương trình tổng thể)*. Tháng 7/2015 (tài liệu lưu hành nội bộ, chưa phổ biến).
- [4] Nguyễn Thanh Hùng (2003). *Hiểu văn dạy văn*. NXB Giáo dục.
- [5] Phạm Thị Thu Hương (2012). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.